

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Phòng thi số 1

Khoá ngày/...../.....

Từ SBD 210001

HĐ thi THPT HOÀNG VĂN THỤ

DANH SÁCH PHÒNG THI

Đến SBD 210024

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210001	NGUYỄN ĐỨC AN	09/06/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
2	210002	NGUYỄN QUỐC AN	31/03/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
3	210003	PHẠM THỊ THU AN	28/09/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
4	210004	BÙI TUẤN ANH	17/03/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
5	210005	ĐOÀN LAN ANH	22/05/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
6	210006	LÊ TUẤN ANH	24/06/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
7	210007	NGUYỄN LAN ANH	02/10/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
8	210008	NGUYỄN QUỲNH ANH	08/03/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
9	210009	PHẠM NGỌC ANH	18/03/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
10	210010	PHẠM QUỲNH ANH	11/07/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
11	210011	PHẠM TUỆ ANH	25/10/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
12	210012	TRẦN HẢI ANH	15/06/2008	Trường THCS xã Hiền Khánh	Tiếng Anh	
13	210013	TRẦN HẢI ANH	11/05/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
14	210014	TRẦN MINH ANH	30/06/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
15	210015	TRẦN QUỐC ANH	25/03/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
16	210016	TRẦN TUẤN ANH	11/06/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
17	210017	TRẦN TUẤN ANH	23/07/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
18	210018	TRẦN TUẤN ANH	20/08/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
19	210019	TRỊNH PHƯƠNG ANH	17/03/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
20	210020	VŨ ĐÌNH ANH	23/08/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
21	210021	VŨ ĐỨC ANH	17/03/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
22	210022	VŨ HÀ ANH	20/10/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
23	210023	VŨ HỒNG ANH	08/10/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
24	210024	VŨ QUANG ANH	18/03/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210025	VŨ NGUYỄN ĐỨC ANH	25/05/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
2	210026	PHÙNG THỊ LAN ANH	07/09/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
3	210027	VŨ THỊ LAN ANH	31/01/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
4	210028	NGUYỄN THỊ MAI ANH	06/10/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
5	210029	TRỊNH THỊ MINH ANH	29/12/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
6	210030	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	04/06/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
7	210031	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	30/11/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
8	210032	VŨ THỊ NGỌC ANH	02/07/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
9	210033	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG ANH	13/07/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
10	210034	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	03/11/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
11	210035	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	24/10/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
12	210036	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	30/08/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
13	210037	TRẦN VŨ QUỲNH ANH	02/04/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
14	210038	TRẦN HUY TIẾN ANH	31/03/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
15	210039	TRẦN NGỌC TUẤN ANH	19/08/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
16	210040	TRẦN THỊ TÚ ANH	05/12/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
17	210041	BÙI THỊ VÂN ANH	21/12/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
18	210042	PHẠM THỊ VÂN ANH	05/01/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
19	210043	NGUYỄN CÔNG VIỆT ANH	24/04/2009	Trường THCS Yên Minh	Tiếng Anh	
20	210044	NGUYỄN NGỌC ÁNH	27/04/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
21	210045	TRẦN NGUYỆT ÁNH	03/03/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
22	210046	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	01/04/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
23	210047	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	06/08/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
24	210048	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	10/03/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210049	VƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	03/12/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
2	210050	BÙI QUỐC BẢO	28/04/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
3	210051	BÙI TIẾN BẢO	25/07/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
4	210052	TRIỆU GIA BẢO	23/12/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
5	210053	TRẦN ĐỨC THÁI BẢO	28/01/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
6	210054	TRẦN XUÂN BẮC	13/11/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
7	210055	LÊ NGỌC BÍCH	30/07/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
8	210056	BÙI THÚY BÌNH	30/03/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
9	210057	NGUYỄN THỊ BÌNH	17/06/2009	Trường THCS xã Hiến Khánh	Tiếng Anh	
10	210058	NGUYỄN THỊ BÌNH	14/10/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
11	210059	TRIỆU THỊ BÌNH	22/12/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
12	210060	TRẦN HUYỀN CHANG	27/04/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	Môn Ngữ văn
13	210061	VŨ THỊ THU CHANG	13/09/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
14	210062	NGUYỄN THÙY CHÂM	21/02/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
15	210063	NGUYỄN MINH CHÂU	14/10/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
16	210064	PHẠM HÀ CHI	26/07/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
17	210065	VŨ THỊ BẢO CHI	28/09/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
18	210066	TRẦN PHƯƠNG THẢO CHI	23/11/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
19	210067	HOÀNG NGỌC CHIÊU	07/05/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
20	210068	PHẠM VĂN CHIẾN	01/07/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
21	210069	TRẦN QUYẾT CHIẾN	09/02/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
22	210070	VŨ ĐÌNH CHÍNH	19/06/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
23	210071	NGUYỄN VIẾT CÔNG	17/02/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
24	210072	TRẦN THỊ KIM CÚC	06/08/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210073	TRỊNH THỊ NGỌC DIỆP	31/07/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
2	210074	VŨ PHƯƠNG DIỄM	28/08/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
3	210075	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	27/10/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
4	210076	VŨ THỊ HUYỀN DIỆU	14/03/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
5	210077	ĐÀO ĐÌNH DOANH	06/10/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
6	210078	NGUYỄN NGỌC DUNG	17/06/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
7	210079	NGUYỄN THỊ DUNG	28/12/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
8	210080	TRẦN MẠNH DUY	12/10/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
9	210081	TRẦN PHÚC DUY	25/02/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
10	210082	VŨ ĐỨC DUY	26/07/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
11	210083	LÊ VŨ KHÁNH DUY	07/10/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
12	210084	TRẦN BÙI THẾ DUY	30/03/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
13	210085	TRẦN THỊ THU DUYÊN	06/04/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
14	210086	BÙI MẠNH DŨNG	23/02/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
15	210087	PHẠM MẠNH DŨNG	05/05/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
16	210088	PHẠM TUẤN DŨNG	29/09/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
17	210089	TRẦN MẠNH DŨNG	12/04/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
18	210090	TRẦN VĂN DŨNG	13/07/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
19	210091	BÙI ĐÌNH TRUNG DŨNG	06/02/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
20	210092	ĐÌNH XUÂN DƯƠNG	13/04/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
21	210093	ĐOÀN ĐỨC DƯƠNG	11/06/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
22	210094	ĐỖ THÙY DƯƠNG	24/01/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
23	210095	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	26/05/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
24	210096	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	31/08/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210097	PHẠM NGỌC DƯƠNG	20/09/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
2	210098	TRẦN ÁNH DƯƠNG	12/03/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
3	210099	TRẦN QUỐC DƯƠNG	02/01/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
4	210100	TRẦN THUY DƯƠNG	10/02/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
5	210101	TRẦN THUY DƯƠNG	18/09/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
6	210102	VŨ ĐẠI DƯƠNG	16/06/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
7	210103	BÙI NGỌC ÁNH DƯƠNG	12/10/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
8	210104	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	03/12/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
9	210105	TRẦN THỊ HẢI DƯƠNG	19/04/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
10	210106	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	13/04/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
11	210107	VŨ THỊ THÙY DƯƠNG	10/11/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
12	210108	TRẦN THỊ LINH ĐAN	12/08/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
13	210109	VŨ THỊ TÂM ĐAN	29/05/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
14	210110	NGUYỄN TOÀN ĐẠI	22/10/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
15	210111	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	31/05/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
16	210112	PHẠM BÁ ĐẠT	21/09/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
17	210113	PHẠM ĐỨC ĐẠT	24/11/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
18	210114	PHÙNG GIA ĐẠT	14/09/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
19	210115	TRẦN TIẾN ĐẠT	21/06/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
20	210116	TRẦN HẢI ĐĂNG	25/05/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
21	210117	BÙI TUẤN ĐÔ	06/07/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
22	210118	TRẦN TRUNG ĐÔ	25/08/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
23	210119	LÊ QUANG ĐỨC	05/08/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
24	210120	TẠ HỮU ĐỨC	23/03/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210121	TRẦN MẠNH ĐỨC	21/10/2009	Trường THCS Yên Minh	Tiếng Anh	
2	210122	TRẦN MINH ĐỨC	24/08/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
3	210123	TRẦN MINH ĐỨC	29/10/2009	Trường THCS xã Tân Khánh	Tiếng Anh	
4	210124	VŨ NGỌC ĐỨC	12/12/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
5	210125	TRẦN VŨ MINH ĐỨC	22/07/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
6	210126	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	16/03/2009	Trường THCS xã Hiền Khánh	Tiếng Anh	
7	210127	VŨ THỊ HÀ GIANG	28/02/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
8	210128	CHŨ THỊ HƯƠNG GIANG	01/02/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
9	210129	TRẦN THỊ THANH GIANG	09/05/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
10	210130	BÙI THỊ THU GIANG	23/01/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
11	210131	BÙI THỊ HÀ	12/11/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
12	210132	ĐỖ MẠNH HÀ	18/12/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
13	210133	TRẦN ĐỨC HÀ	05/10/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
14	210134	TRẦN THU HÀ	22/08/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
15	210135	VŨ NAM HÀ	09/07/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
16	210136	TRẦN THỊ NGỌC HÀ	30/07/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
17	210137	LÊ THỊ PHƯƠNG HÀ	27/05/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
18	210138	TRẦN THỊ THU HÀ	16/03/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
19	210139	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	10/10/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
20	210140	TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	11/11/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
21	210141	BÙI HOÀNG HẢI	08/11/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
22	210142	HOÀNG THÚY HẢI	13/11/2009	Trường THCS Mỹ Xá	Tiếng Anh	
23	210143	NGUYỄN CÔNG HẢI	18/04/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
24	210144	TRẦN MINH HẢI	16/03/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210145	NGUYỄN THỊ THANH HẢI	14/06/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
2	210146	TRẦN HOÀN HẢO	19/01/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
3	210147	NGUYỄN VŨ BẢO HÂN	30/09/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
4	210148	PHÙNG ĐỖ NGỌC HÂN	08/03/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
5	210149	VŨ THỊ NGỌC HÂN	28/03/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
6	210150	PHẠM MINH HẰNG	29/12/2009	Trường THCS Yên Minh	Tiếng Anh	
7	210151	PHẠM THANH HẰNG	07/05/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
8	210152	NGUYỄN THỊ HIỀN	09/05/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
9	210153	TRẦN THỊ HIỀN	17/06/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
10	210154	BÙI ĐỨC HIẾU	01/10/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
11	210155	ĐỖ LƯƠNG HIẾU	08/05/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
12	210156	PHAN TRUNG HIẾU	31/10/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
13	210157	PHẠM ĐỨC HIẾU	31/01/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
14	210158	TRẦN CHÍ HIẾU	26/01/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
15	210159	PHẠM GIA TRUNG HIẾU	24/02/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
16	210160	NGUYỄN THANH HIỀN	19/05/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
17	210161	TRẦN THU HIỀN	30/05/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
18	210162	VŨ THỊ MINH HIỀN	18/08/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
19	210163	NGUYỄN GIA HIỆP	27/11/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
20	210164	NGUYỄN TIẾN HIỆP	21/02/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
21	210165	PHẠM XUÂN HIỆP	08/10/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
22	210166	TRẦN TUẤN HIỆP	21/01/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
23	210167	NGUYỄN HUY HIỆU	01/06/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
24	210168	PHẠM NGỌC BẢO HOA	04/12/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210169	BÙI THỊ QUỲNH HOA	04/12/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
2	210170	LÊ THU HOÀI	17/10/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
3	210171	NGUYỄN THU HOÀI	22/10/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
4	210172	LÊ THỊ THU HOÀI	13/03/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
5	210173	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	17/10/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
6	210174	PHẠM THỊ TRANG HOÀI	01/07/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
7	210175	PHẠM ĐỨC HOÀNG	12/11/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
8	210176	TRẦN TUẤN HOÀNG	04/01/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
9	210177	NGUYỄN THỊ HÒI	17/01/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	Môn Địa lí
10	210178	LÊ THỊ HỒNG	13/12/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
11	210179	TRẦN THỊ THÚY HỒNG	11/06/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
12	210180	BÙI QUANG HUÂN	01/01/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
13	210181	NGUYỄN THỊ HUỆ	10/11/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
14	210182	BÙI MINH HUỆ	14/11/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
15	210183	NGUYỄN MẠNH HUY	27/12/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
16	210184	TRẦN ĐÌNH HUY	27/10/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
17	210185	TRẦN GIA HUY	10/01/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
18	210186	TRẦN QUANG HUY	20/03/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
19	210187	VŨ QUANG HUY	04/07/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
20	210188	BÙI HOÀNG GIA HUY	25/05/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
21	210189	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC HUY	09/10/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
22	210190	LÊ NGỌC HUYỀN	10/08/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
23	210191	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	18/07/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
24	210192	PHẠM KHÁNH HUYỀN	20/07/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210193	VŨ KHÁNH HUYỀN	14/12/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
2	210194	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	20/08/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
3	210195	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	08/10/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
4	210196	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	28/09/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
5	210197	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	04/09/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
6	210198	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	14/04/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
7	210199	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	14/11/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
8	210200	PHẠM THỊ THU HUYỀN	12/10/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
9	210201	THÁI VŨ THU HUYỀN	27/10/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
10	210202	ĐÀO ANH HÙNG	11/12/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
11	210203	NGUYỄN VIỆT HÙNG	28/09/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
12	210204	PHẠM ĐỨC HÙNG	06/11/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
13	210205	TRẦN MẠNH HÙNG	06/06/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
14	210206	TRẦN MẠNH HÙNG	06/09/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
15	210207	TRẦN VIỆT HÙNG	17/05/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
16	210208	ĐỖ VĂN HÙNG	26/05/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
17	210209	HOÀNG TRỌNG HÙNG	08/04/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
18	210210	TRẦN BẢO HÙNG	10/02/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
19	210211	TRẦN DIỆU HƯƠNG	09/01/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
20	210212	VŨ THỊ THANH HƯƠNG	03/02/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
21	210213	BÙI THỊ THU HƯƠNG	06/07/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
22	210214	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	02/09/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
23	210215	BÙI THỊ THÙY HƯƠNG	13/11/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
24	210216	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	19/01/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210217	ĐÀM VIỆT KHA	16/07/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
2	210218	LÊ THỊ KHÁNH	22/11/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
3	210219	PHẠM NGỌC KHÁNH	06/10/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
4	210220	TRẦN ĐỨC KHÁNH	02/02/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
5	210221	PHẠM NGỌC GIA KHÁNH	04/05/2009	Trường THCS Yên Minh	Tiếng Anh	
6	210222	TRẦN HUY KHẢI	14/10/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
7	210223	NGUYỄN TRỌNG KIẾN	22/03/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
8	210224	PHÙNG ANH KIẾN	26/09/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
9	210225	TRẦN DUY KIẾN	02/01/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
10	210226	TRẦN TRUNG KIẾN	07/01/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
11	210227	TRẦN TRUNG KIẾN	21/08/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
12	210228	BÙI TUẤN KIỆT	28/05/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
13	210229	TRẦN ANH KIỆT	15/08/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
14	210230	VŨ TUẤN KIỆT	09/08/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
15	210231	BÙI THỊ THANH LAM	16/03/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
16	210232	NGÔ THỊ THANH LAM	01/01/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
17	210233	TRẦN ĐỖ THÚY LAM	18/07/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	Môn Địa lí
18	210234	ĐÀM NGỌC LAN	21/08/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
19	210235	TRẦN THỊ HƯƠNG LAN	07/03/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
20	210236	VŨ THỊ HƯƠNG LAN	12/11/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
21	210237	HOÀNG MAI NGỌC LAN	06/08/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
22	210238	BÙI THỊ YẾN LAN	23/10/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
23	210239	TRẦN PHÚC LÂM	01/12/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
24	210240	TRẦN VŨ LÂM	16/07/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210241	PHẠM VĂN THANH LÂM	02/08/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
2	210242	ĐỖ KHÁNH LINH	09/11/2009	Trường THCS Yên Minh	Tiếng Anh	
3	210243	ĐỖ MAI LINH	25/10/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
4	210244	LÊ QUANG LINH	19/08/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
5	210245	NGUYỄN KHÁNH LINH	20/05/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
6	210246	NGUYỄN MAI LINH	20/06/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
7	210247	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	21/11/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
8	210248	PHẠM THÙY LINH	20/01/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
9	210249	PHẠM THÙY LINH	26/02/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
10	210250	TRẦN PHƯƠNG LINH	13/08/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
11	210251	TRẦN VŨ LINH	03/08/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
12	210252	VŨ QUANG LINH	29/10/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
13	210253	PHÙNG THỊ DIỆU LINH	09/03/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
14	210254	PHẠM THỊ HÀ LINH	09/10/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
15	210255	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	19/05/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
16	210256	NGUYỄN ĐẮC NGỌC LINH	22/12/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
17	210257	PHÙNG THỊ NGỌC LINH	02/11/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
18	210258	PHÙNG THỊ NGỌC LINH	19/11/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
19	210259	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG LINH	05/05/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
20	210260	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	18/01/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
21	210261	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	14/03/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
22	210262	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	19/06/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
23	210263	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	28/12/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
24	210264	ĐÀO THỊ THÙY LINH	24/12/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210265	TRƯƠNG THỊ THÙY LINH	31/01/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
2	210266	TRẦN THỊ BÍCH LOAN	05/04/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
3	210267	VŨ THỊ THANH LOAN	20/10/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
4	210268	NGUYỄN PHI LONG	14/10/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
5	210269	TRẦN HÀ LONG	11/02/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
6	210270	TRẦN NHẬT LONG	04/01/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
7	210271	NGUYỄN NGỌC HOÀNG LONG	12/10/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
8	210272	NGUYỄN HÀ LY	14/02/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
9	210273	PHẠM KHÁNH LY	03/03/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
10	210274	TRẦN THẢO LY	19/10/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
11	210275	BÙI THỊ HỒNG LY	06/05/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
12	210276	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LY	23/02/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
13	210277	BÙI NGỌC MAI	24/08/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
14	210278	ĐẶNG NHẬT MAI	26/11/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
15	210279	NGUYỄN NGỌC MAI	20/03/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
16	210280	PHẠM XUÂN MAI	23/09/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
17	210281	TRẦN NGỌC MAI	26/07/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
18	210282	TRẦN TUYẾT MAI	12/06/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
19	210283	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	19/05/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
20	210284	BÙI NGỌC MẠNH	10/08/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
21	210285	NGUYỄN DUY MẠNH	19/01/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
22	210286	NGUYỄN NHƯ MẠNH	25/01/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
23	210287	NGUYỄN TIẾN MẠNH	22/10/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
24	210288	TRẦN QUANG MẠNH	13/01/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210289	BÙI HẢI MINH	09/08/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
2	210290	BÙI NHẬT MINH	07/10/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
3	210291	NGUYỄN CÔNG MINH	24/11/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
4	210292	TRẦN QUANG MINH	24/04/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
5	210293	VŨ NGỌC MINH	11/11/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
6	210294	VŨ TUẤN MINH	15/11/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
7	210295	TRẦN THỊ NGỌC MINH	16/02/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
8	210296	NGUYỄN PHẠM NHẬT MINH	23/10/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
9	210297	VŨ THỊ THU MINH	28/05/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
10	210298	TRẦN THẢO MY	31/07/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
11	210299	NGUYỄN NGỌC HÀ MY	27/07/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
12	210300	NGUYỄN THỊ HÀ MY	13/02/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
13	210301	NGUYỄN THỊ MỸ	25/01/2009	Trường THCS Yên Minh	Tiếng Anh	
14	210302	ĐÀM NGỌC NAM	30/03/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
15	210303	TRẦN CÔNG NAM	01/02/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
16	210304	TRẦN NGỌC NAM	15/05/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
17	210305	TRƯƠNG BẢO NAM	01/01/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
18	210306	VŨ THUYẾT NGA	11/04/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
19	210307	BÙI KIM NGÂN	03/06/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
20	210308	TRẦN VI NGÂN	18/12/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
21	210309	VŨ THU NGÂN	20/03/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
22	210310	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	18/10/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
23	210311	VŨ THỊ KIM NGÂN	02/11/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
24	210312	NGUYỄN TRIỆU THANH NGÂN	19/07/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210313	VŨ NGỌC TUYẾT NGÂN	05/01/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
2	210314	TRẦN QUANG NGHĨA	19/10/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
3	210315	TRẦN TUẤN NGHĨA	11/02/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
4	210316	LÊ THẢO NGOAN	14/11/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
5	210317	HOÀNG BẢO NGỌC	04/09/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
6	210318	LÊ NHƯ NGỌC	10/05/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
7	210319	NGÔ ĐỨC NGỌC	18/07/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
8	210320	NGUYỄN ANH NGỌC	28/04/2009	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Tiếng Anh	
9	210321	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	07/08/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
10	210322	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	06/09/2009	Trường THCS Mỹ Xá	Tiếng Anh	
11	210323	NGUYỄN HỒNG NGỌC	12/06/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
12	210324	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	01/07/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
13	210325	PHẠM LINH NGỌC	30/11/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
14	210326	TRẦN BẢO NGỌC	28/02/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
15	210327	TRẦN BẢO NGỌC	07/12/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
16	210328	VŨ BẢO NGỌC	29/08/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
17	210329	TRẦN THỊ ANH NGỌC	09/12/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
18	210330	PHẠM THANH BẢO NGỌC	07/01/2009	Trường THCS Mỹ Xá	Tiếng Anh	
19	210331	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	28/08/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
20	210332	TRẦN PHẠM BÍCH NGỌC	06/05/2009	Trường THCS Yên Minh	Tiếng Anh	
21	210333	PHẠM THỊ KHÁNH NGỌC	30/01/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
22	210334	ĐOÀN THỊ NHƯ NGỌC	09/08/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
23	210335	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	02/06/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
24	210336	TRIỆU ĐỨC NGUYỄN	20/10/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210337	TRẦN NGỌC BẢO NGUYỄN	21/08/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
2	210338	MAI THỊ HƯƠNG NGUYỄN	17/02/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
3	210339	PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	28/10/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
4	210340	VŨ THỊ NHÀI	05/08/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
5	210341	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	21/03/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
6	210342	PHẠM THỊ THANH NHÀN	20/01/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
7	210343	BÙI ĐỨC NHẬN	02/11/2009	Trường THCS Mỹ Hưng	Tiếng Anh	
8	210344	BÙI LONG NHẬT	26/10/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
9	210345	BÙI MINH NHẬT	25/10/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
10	210346	NGUYỄN TIẾN NHẬT	29/05/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
11	210347	ĐOÀN THỊ KHÁNH NHI	23/07/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
12	210348	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	17/10/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
13	210349	TRẦN THỊ YẾN NHI	14/07/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
14	210350	NGÔ VŨ AN NHIÊN	29/12/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
15	210351	NGUYỄN HỒNG NHUNG	09/05/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
16	210352	NGUYỄN HỒNG NHUNG	27/08/2009	Trường THCS xã Hiến Khánh	Tiếng Anh	
17	210353	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	25/04/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
18	210354	PHẠM THỊ HOÀI NHƯ	03/04/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
19	210355	TRẦN THỊ KIM OANH	01/08/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
20	210356	MAI ĐẠI PHÁT	27/07/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
21	210357	NGUYỄN TRỌNG PHÁT	13/10/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
22	210358	LÊ MẠNH PHI	01/03/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
23	210359	BÙI NGỌC PHONG	12/10/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
24	210360	BÙI QUỐC PHONG	15/01/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210361	PHẠM NGỌC PHONG	07/09/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
2	210362	NGUYỄN HỒNG PHÚC	01/07/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
3	210363	TRẦN HỒNG PHÚC	08/12/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
4	210364	TRẦN VĂN PHÚC	10/05/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
5	210365	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	18/06/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
6	210366	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	04/11/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
7	210367	PHẠM HÀ PHƯƠNG	21/11/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
8	210368	PHẠM THU PHƯƠNG	17/01/2009	Trường THCS Yên Minh	Tiếng Anh	
9	210369	PHẠM THU PHƯƠNG	27/03/2009	Trường THCS xã Hiền Khánh	Tiếng Anh	
10	210370	TRẦN KHÁNH PHƯƠNG	28/10/2009	Trường THCS Yên Minh	Tiếng Anh	
11	210371	TRẦN THỊ THANH PHƯƠNG	12/10/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
12	210372	VŨ THỊ THÙY PHƯƠNG	07/09/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
13	210373	NGUYỄN THỊ TỎ PHƯƠNG	16/09/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
14	210374	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	11/04/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
15	210375	BÙI NGỌC QUANG	29/10/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
16	210376	DƯƠNG MINH QUANG	09/03/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
17	210377	NGUYỄN DUY QUANG	03/09/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
18	210378	PHÙNG MINH QUANG	27/08/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
19	210379	TRẦN NGỌC QUANG	18/02/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
20	210380	VŨ NGỌC QUANG	17/12/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
21	210381	NGUYỄN ĐỨC NHẬT QUANG	28/11/2009	Trường THCS Mỹ Xá	Tiếng Anh	
22	210382	BÙI ANH QUÂN	17/11/2009	Trường THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	
23	210383	VŨ MINH QUÂN	18/03/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
24	210384	BÙI THỊ LỆ QUYÊN	10/09/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210385	TRẦN MẠNH QUYỀN	02/01/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
2	210386	NGUYỄN HƯƠNG QUỲNH	15/02/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
3	210387	VŨ HƯƠNG QUỲNH	28/10/2009	Trường THCS Yên Minh	Tiếng Anh	
4	210388	TRẦN NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	27/05/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
5	210389	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	09/08/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
6	210390	PHAN MINH SÁNG	27/09/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
7	210391	LÊ TRUNG SƠN	23/10/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
8	210392	NGUYỄN HỒNG SƠN	28/06/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
9	210393	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	08/01/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
10	210394	ĐÀO ĐỨC TÀI	24/10/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
11	210395	PHẠM CHÍ TÀI	14/05/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
12	210396	TRẦN TUẤN TÀI	30/09/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	Môn Hóa học
13	210397	VŨ TRÍ TÀI	19/03/2009	Trường THCS Mỹ Xá	Tiếng Anh	
14	210398	VŨ NGỌC TÂM	17/11/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
15	210399	TRẦN THỊ THANH TÂM	09/02/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
16	210400	TRẦN THỊ THANH TÂM	03/06/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
17	210401	PHẠM HỒNG TÂN	01/01/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
18	210402	TRẦN MINH TÂN	03/01/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
19	210403	HOÀNG QUANG THANH	04/07/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
20	210404	TRẦN CÔNG THÀNH	28/06/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
21	210405	TRẦN QUANG THÀNH	18/05/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
22	210406	BÙI PHƯƠNG THẢO	17/07/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
23	210407	HOÀNG THỊ THẢO	17/04/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
24	210408	PHẠM PHƯƠNG THẢO	02/03/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210409	TRẦN PHƯƠNG THẢO	20/12/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
2	210410	VŨ PHƯƠNG THẢO	07/05/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
3	210411	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	23/04/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
4	210412	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	31/07/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
5	210413	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	29/10/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
6	210414	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	24/12/2009	Trường THCS Hàn Thuyên	Tiếng Anh	
7	210415	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	02/07/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
8	210416	HOÀNG QUANG THẮNG	22/03/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
9	210417	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	12/02/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
10	210418	PHẠM XUÂN THẮNG	08/05/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
11	210419	BÙI ĐỨC THIÊN	05/07/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
12	210420	NGUYỄN THÀNH THỊNH	13/06/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
13	210421	NGUYỄN THẾ THỊNH	09/01/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
14	210422	TRẦN HÙNG THỊNH	02/10/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
15	210423	NGUYỄN THỊ THU	07/12/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
16	210424	TRẦN HOÀI THU	25/02/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
17	210425	VŨ MINH THU	09/08/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
18	210426	TRẦN VĂN THUẬN	21/06/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
19	210427	NGUYỄN THỊ HỒNG THÚY	06/01/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
20	210428	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	17/05/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
21	210429	DƯƠNG THỊ THÙY	11/10/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
22	210430	ĐỖ THU THÙY	24/08/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
23	210431	NGUYỄN THỊ THANH THÙY	17/07/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
24	210432	ĐÀO THU THÙY	12/10/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210433	ĐỖ ANH THỨ	12/08/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
2	210434	NGUYỄN ĐỨC THỨ	01/06/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
3	210435	PHẠM MINH THỨ	13/05/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
4	210436	BÙI NGỌC MINH THỨ	25/08/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
5	210437	PHÙNG THỊ MINH THỨ	26/10/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
6	210438	TRẦN THỊ THANH THỨ	23/06/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
7	210439	TRẦN MINH THƯƠNG	22/08/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
8	210440	HỒ THỊ CẨM TIÊN	30/05/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
9	210441	NGUYỄN NHƯ TIÊN	11/09/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
10	210442	TRỊNH ĐĂNG TIÊN	08/08/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
11	210443	ĐỖ TRỌNG TÍN	26/04/2008	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
12	210444	VŨ NGỌC TĨNH	17/11/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
13	210445	NGUYỄN THẾ TOÀN	26/05/2009	Trường THCS Yên Minh	Tiếng Anh	
14	210446	TRẦN ĐỨC TOÀN	08/04/2009	Trường THCS Mỹ Xá	Tiếng Anh	
15	210447	TRẦN HUY TOÀN	21/09/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
16	210448	VŨ BẢO TOÀN	16/08/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
17	210449	NGUYỄN NGỌC TRÍ TOÀN	11/12/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
18	210450	DƯƠNG HÀ TRANG	06/01/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
19	210451	NGUYỄN QUỲNH TRANG	13/06/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
20	210452	NGUYỄN THU TRANG	29/11/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	Môn Địa lí
21	210453	PHẠM THÙY TRANG	06/06/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
22	210454	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	24/08/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
23	210455	BÙI HOÀNG KHÁNH TRANG	07/12/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
24	210456	TRẦN NGỌC MAI TRANG	13/07/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210457	TRẦN THỊ MINH TRANG	25/10/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
2	210458	LÊ VŨ QUỲNH TRANG	04/05/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
3	210459	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	11/10/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
4	210460	DƯƠNG THỊ YẾN TRANG	31/03/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
5	210461	VŨ BẢO TRÂM	29/11/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	Môn Địa lí
6	210462	NGUYỄN XUÂN TRIẾT	13/03/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
7	210463	VŨ MINH TRIẾT	07/07/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
8	210464	PHẠM TRỌNG TRIỂN	05/06/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
9	210465	VŨ THỊ KIỀU TRINH	26/10/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
10	210466	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	27/10/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
11	210467	NGUYỄN THÀNH TRUNG	25/05/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
12	210468	TRẦN QUANG TRUNG	29/01/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
13	210469	TRẦN THANH TRÚC	25/08/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
14	210470	VŨ THỊ THANH TRÚC	18/09/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
15	210471	NGUYỄN TIẾN TRƯỜNG	25/10/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
16	210472	TRẦN ĐỨC TRƯỜNG	13/04/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
17	210473	NGUYỄN ĐẮC TUẤN	13/06/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
18	210474	PHẠM QUỐC TUẤN	09/01/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
19	210475	BÙI ANH TUẤN	08/09/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
20	210476	HOÀNG ANH TUẤN	26/05/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
21	210477	NGUYỄN ANH TUẤN	17/07/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
22	210478	TRẦN ANH TUẤN	13/01/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
23	210479	TRẦN ANH TUẤN	10/04/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
24	210480	TRẦN THẾ TUẤN	05/09/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210481	TRẦN NGỌC MINH TUẤN	04/09/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
2	210482	NGUYỄN THỊ TUYẾT	23/02/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
3	210483	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	25/01/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
4	210484	ĐẶNG THỊ MINH TUYẾT	03/07/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
5	210485	NGUYỄN XUÂN TUYỀN	26/11/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
6	210486	NGUYỄN MINH TUYỀN	04/10/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
7	210487	ĐỖ QUANG TÚ	02/12/2009	Trường THCS Hợp Hưng	Tiếng Anh	
8	210488	NGUYỄN ANH TÚ	05/07/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
9	210489	PHẠM CẨM TÚ	07/03/2009	Trường THCS Yên Dương	Tiếng Anh	
10	210490	PHẠM VĂN THANH TÙNG	02/08/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
11	210491	PHẠM HỒNG TƯƠI	20/08/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
12	210492	NGUYỄN THỊ THANH TƯƠI	02/07/2009	Trường THCS xã Minh Tân	Tiếng Anh	
13	210493	NGUYỄN ĐỖ LÂM UYÊN	10/09/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
14	210494	PHÙNG THỊ PHƯƠNG UYÊN	20/03/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
15	210495	BÙI ĐIỀU VÂN	01/01/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
16	210496	PHẠM THANH VÂN	24/02/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
17	210497	ĐỖ THỊ HOÀNG VÂN	18/01/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
18	210498	NGUYỄN THỊ MỸ VÂN	27/11/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
19	210499	BÙI THỊ THẢO VÂN	02/02/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
20	210500	BÙI QUỐC VIỆT	28/04/2009	Trường THCS Xã Kim Thái	Tiếng Anh	
21	210501	BÙI HỮU HOÀNG VIỆT	16/05/2009	Trường THCS Trần Huy Liệu	Tiếng Anh	
22	210502	BÙI MINH VŨ	06/07/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
23	210503	BÙI QUANG VŨ	23/06/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
24	210504	ĐẶNG YẾN VY	15/07/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Phòng thi số 22

Khoá ngày/...../.....

Từ SBD 210505

HĐ thi THPT HOÀNG VĂN THỤ

DANH SÁCH PHÒNG THI

Đến SBD 210516

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	210505	ĐỖ CẨM VY	05/08/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
2	210506	NGUYỄN HÀ VY	13/01/2009	Trường THCS Quang Trung	Tiếng Anh	
3	210507	NGUYỄN HÀ VY	22/12/2009	Trường THCS xã Trung Thành	Tiếng Anh	
4	210508	PHÙNG MAI VY	06/09/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
5	210509	TRẦN LÊ VY	12/11/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
6	210510	LÊ THANH XUÂN	11/12/2009	Trường THCS Cộng Hòa	Tiếng Anh	
7	210511	NGUYỄN THỊ XUÂN	09/06/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
8	210512	VŨ THỊ THANH XUÂN	05/04/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
9	210513	HOÀNG HẢI YẾN	09/05/2009	Trường THCS Xã Liên Bảo	Tiếng Anh	
10	210514	TRẦN THỊ YẾN	11/10/2009	Trường THCS Yên Mỹ	Tiếng Anh	
11	210515	VŨ THỊ HẢI YẾN	01/01/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	
12	210516	VŨ THỊ HẢI YẾN	14/10/2009	Trường THCS Đại An	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 12

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0